

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Di

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 291/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số /2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm: 1964 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 44/55 Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Ngô Thị Thu N, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lê Minh C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh C và bà Ngô Thị Thu N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2023, tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có sự đồng cảm với nhau dẫn đến mâu

thuần ngày càng trầm trọng, nên bà N đã ôm con bỏ về nhà bà N sống từ tháng 01-2024 đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Ông C xác định, ông C và bà N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị Thu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh, bà N có hộ khẩu thường trú tại Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hiện nay bà N vẫn cư trú tại địa chỉ nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà N1. Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà T khai ông C xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, đối với bà N1 được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà N1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo ông C thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01-2024 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hòa hợp, nên bà N1 đã bỏ về nhà bà sống. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông C xin ly hôn với bà N1. Quá trình tố tụng bà N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà N1 cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, bà N1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm, ông C kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của ông C là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông C là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh C được ly hôn với bà Ngô Thị Thu N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Minh C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003722 ngày 10-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. “Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Đất;
- CCTHA dân sự huyện Long Đất;
- UBND thị trấn Long Hải (số 116, ngày 24-5-2023;
- Lưu hồ sơ vụ án...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trường Mạnh

